

Bản án số: 182/2021/HS-PT

Ngày 05 tháng 4 năm 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Ý

Các Thẩm phán: Ông Đỗ Đình Thanh

Bà Đinh Ngọc Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đặng Quốc Việt - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 và ngày 05 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 843/2019/TLPT-HS ngày 24 tháng 12 năm 2019 đối với bị cáo Phan Thị Ngọc D, Nguyễn Văn Q, Phương Đình C, Nguyễn Thị Thu V do có kháng cáo của các bị cáo Phan Thị Ngọc D, Nguyễn Văn Q và Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 60/QĐ-VKS-P3 ngày 22/11/2019 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đối với Bản án hình sự số 439/2019/HS-ST ngày 13/11/2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị cáo có kháng cáo, bị kháng nghị:

1. **Phan Thị Ngọc D**, sinh năm 1967; tại Bến Tre; Thường trú: Ấp 8, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai; Chỗ ở: 69A đường N, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Nguyên Thủ quỹ- Chi nhánh Công ty xuất nhập khẩu ngành in; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nữ; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; con ông Phan Văn S và bà Lê Thị E; chưa có chồng, con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại (có mặt).

Bị cáo bị kháng nghị phân trách nhiệm dân sự:

2. **Nguyễn Văn Q**, sinh năm 1962; tại Thành phố Hà Nội; Thường trú: Số 4 đường Y, phường P, quận H, Thành phố Hà Nội; chỗ ở: 3/61/33 đường L, phường V, quận H, Thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Nguyên Kế toán trưởng, Công ty xuất nhập khẩu ngành in- nguyên Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 10/10; có vợ Trần Thị D, sinh năm 1966 và 02 con, lớn sinh năm 1990 và nhỏ sinh năm 2000; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại (có mặt).

3. **Phương Đình C**, sinh năm 1950; tại Thành phố Hà Nội; Thường trú: Số 7 B1, tập thể Đ, phường O, quận Đ, Thành phố Hà Nội; Chỗ ở: Số 19, ngách 29, ngõ 189 đường G, phường O, quận Đ, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Nguyên Giám đốc Công ty xuất nhập khẩu ngành in - nguyên Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam (đã đình chỉ sinh hoạt đảng); quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 10/10; con ông Phương Đình T và bà Nguyễn Thị K; có vợ là Lê Thị C, sinh năm 1950 và 02 con, lớn nhất sinh năm 1980; nhỏ nhất sinh năm 1983; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại (có mặt).

4. **Nguyễn Thị Thu V**, sinh năm 1966; tại tỉnh Gia Lai; Thường trú và chỗ ở: 11/5B đường N, ấp H, xã B, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Nguyên kế toán - Chi nhánh Công ty xuất nhập khẩu ngành in; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nữ; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; có chồng Quan Trí M, sinh năm 1957 và 02 con, lớn sinh năm 1996 và nhỏ sinh năm 2002; tiền án tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại (có mặt).

Nguyên đơn dân sự:

Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu N (vắng mặt)

Địa chỉ: 67 đường T, Phường T, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người bào chữa:

Luật sư Trần Văn Toàn – Thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hà Nội bào chữa cho bị cáo Phan Thị Ngọc D, Nguyễn Văn Q (có mặt).

Luật sư Lê Văn Đài – Thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hà Nội bào chữa cho bị cáo Phan Thị Ngọc D, Nguyễn Văn Q (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Hành vi Tham ô tài sản của Nguyễn Khắc Sơn, Trưởng Chi nhánh Công ty XNK N:

- Từ năm 1999 đến năm 2004, Nguyễn Khắc Sơn đại diện Chi nhánh Công ty XNK N ký 13 hợp đồng kinh tế bán giấy in các loại cho Doanh nghiệp tư nhân Thịnh Phát, Tp Hồ Chí Minh do ông Tô Ngã Chảy, Giám đốc đại diện, tổng trị giá 134.893.037.573 đồng (trong đó xuất 53 hóa đơn GTGT trị giá 129.983.188.318 đồng và hàng hóa không có hóa đơn GTGT trị giá 4.909.849.255 đồng), nhận nợ trả thay Công ty Vật tư thiết bị ngành In số tiền 2,3 tỷ đồng. Tổng giá trị DNTN Thịnh Phát phải thanh toán cho Chi nhánh Công ty XNK N tổng số tiền 137.107.749.477 đồng. Thực tế, doanh nghiệp này đã thanh toán cho chi nhánh tổng số tiền 139.388.049.512 đồng (thanh toán dư 2.214.711.934 đồng), có bảng kê cụ thể kèm theo. Đối với việc thanh toán tiền mặt, hàng ngày hàng ngày Trần Thanh Tuấn, Nguyễn Văn Ngọc Tùng, Nguyễn

Khắc Minh-nhân viên chi nhánh đến nhận tiền tại DNTN Thịnh Phát nhiều lần về nộp cho Phan Thị Ngọc D-thủ quỹ của chi nhánh, nhưng kế toán chi nhánh cũng như Phan Thị Ngọc D không lập phiếu thu tiền theo quy định. Phan Thị Ngọc D thực hiện theo sự chỉ đạo của Nguyễn Khắc Sơn chỉ lập phiếu thu với tổng số tiền: 88.766.519.606 đồng, không lập phiếu thu tổng số tiền 50.641.229.901 đồng, thực hiện chi tiền cho Nguyễn Khắc Sơn nhiều lần theo chỉ đạo của Sơn nhưng không có phiếu chi để Sơn chiếm đoạt toàn bộ số tiền này. Để báo cáo công nợ của chi nhánh đang cân đối (công nợ phải thu và công nợ phải trả) về Công ty XNK ngành In tại Hà Nội, ngày 31/12/2003 Nguyễn Khắc Sơn đã lập bảng đối chiếu công nợ giả thể hiện Doanh nghiệp tư nhân Thịnh Phát còn nợ Chi nhánh tổng số tiền 43.420.168.713 đồng gửi về Công ty XNK ngành In.

- Ngày 12/3/2001, Công ty giấy Tân Mai ký Hợp đồng gia công số 02/HĐ với Chi nhánh Công ty XNK N để gia công 5.727,847 tấn giấy trị giá 32.459.364.190 đồng. Thực hiện Hợp đồng, Chi nhánh đã thanh toán được 28.477.834.387 đồng, còn nợ 3.981.529.803 đồng. Ngày 10/10/2001, Công ty Tân Mai tiếp tục ký Hợp đồng gia công số 05/HĐ với Chi nhánh số lượng 3.997,871 tấn, trị giá 21.802.488.400 đồng (bao gồm cả số công nợ 3.981.529.803 đồng). Chi nhánh Công ty XNK N đã thanh toán được 5.868.448.197 đồng và mua lại bột giấy của Công ty Tân Mai trị giá 10.218.803.705 đồng. Sau khi thanh lý các hợp đồng, Chi nhánh còn nợ Công ty giấy Tân Mai số tiền 5.715.236.498 đồng. Các ngày 29/7, 04/8 và ngày 11/8/2003, Nguyễn Khắc Sơn đã chỉ đạo Phan Thị Ngọc D - Thủ quỹ, rút quỹ tiền mặt và lập 03 Phiếu chi có nội dung thanh toán cho Công ty giấy Tân Mai số tiền 6,5 tỷ đồng, Nguyễn Khắc Sơn là người nhận số tiền trên từ Phan Thị Ngọc D nhưng Sơn không thanh toán tiền cho Công ty giấy Tân Mai theo nội dung chi mà chiếm đoạt toàn bộ 6,5 tỷ đồng nêu trên.

- Ngày 19/07/2001, Chi nhánh Công ty XNK N bán 86,010 tấn giấy các loại cho Công ty Trần Mai Nguyên, máy cán vân và tiền gia công in còn nợ. Tổng số tiền Công ty Trần Mai Nguyên phải trả cho Chi nhánh là 1.816.263.006 đồng, Công ty Trần Mai Nguyên đã thanh toán 1.185.143.218 đồng, Nguyễn Khắc Sơn chỉ đạo Phan Thị Ngọc D chỉ lập Phiếu thu nhập quỹ tiền mặt số tiền 1.044.143.218 đồng, còn lại 141.000.000 đồng Nguyễn Khắc Sơn chiếm đoạt.

- Ngày 28/06/2002, Chi nhánh Công ty XNK N bán cho Nhà in báo Nhân dân 7,436 tấn giấy in báo Thailand, trị giá 64.693.197 đồng. Sau khi nhận thanh toán, Nguyễn Khắc Sơn đã chiếm đoạt toàn bộ số tiền 64.693.197 đồng trên.

- Ngày 28/11/2002, Chi nhánh Công ty XNK N ký Hợp đồng số 19/2002-HĐ bán cho Báo Tuổi Trẻ 500 tấn giấy in báo Chi-lê, trị giá 4.575.000.000 đồng, Chi nhánh xuất Hoá đơn giá trị gia tăng số 91676 trị giá 2.292.111.675 đồng. Sau khi nhận thanh toán và thanh lý hợp đồng. Nguyễn Khắc Sơn chỉ đạo Phan Thị Ngọc D chỉ lập Phiếu thu nhập quỹ số tiền 1.870.000.000 đồng, còn lại 422.111.675 đồng, Sơn chiếm đoạt.

- Ngày 14/04/2003, Chi nhánh Công ty XNK N ký Hợp đồng kinh tế số 10/2003-HĐCN bán số lượng 224,536 tấn giấy, tổng trị giá 2.768.528.899 đồng cho Công ty TNHH Vững Tiến. Thực hiện Hợp đồng, Công ty Vững Tiến đã thanh toán số tiền 2.393.200.000 đồng và trả lại 31,475 tấn giấy do không đúng chất lượng theo hợp đồng đã ký có trị giá 388.086.753 đồng cho Chi nhánh. Sau khi nhận thanh toán, Nguyễn Khắc Sơn chỉ đạo Phan Thị Ngọc D chỉ lập Phiếu thu nhập quỹ tiền mặt số tiền 1.281.286.753 đồng (trong đó có tiền trả lại hàng), còn lại số tiền 1.487.242.146 đồng đưa lại cho Sơn chiếm đoạt sử dụng cá nhân.

- Các ngày 05, 15 và 19/8/2003 Chi nhánh Công ty XNK N xuất 03 hóa đơn GTGT bán cho Công ty giấy An Bình số lượng 135,072 tấn giấy các loại trị giá 1.134.604.853 đồng. Sau khi nhận thanh toán, Nguyễn Khắc Sơn chỉ đạo Phan Thị Ngọc D lập Phiếu thu nhưng không đưa vào hệ thống kế toán, sổ quỹ tiền mặt theo quy định, mà để ngoài sổ sách để Nguyễn Khắc Sơn chiếm đoạt số tiền này.

- Ngày 25/5/2004 (trước khi Sơn bỏ trốn đi Mỹ 1 ngày), Nguyễn Khắc Sơn chỉ đạo Lê Thị Kim Liên, nhân viên Kế toán viết Phiếu chi số tiền 90 triệu đồng với nội dung ghi chi cho Trưởng Chi nhánh đi công tác Hà Nội, nhưng tên người nhận tiền là Nguyễn Văn Ngọc Tòng, nhân viên của Chi nhánh. Tuy nhiên, do quỹ tiền mặt chỉ còn 50 triệu đồng nên Nguyễn Khắc Sơn, thủ quỹ Chi nhánh đã đưa cho Nguyễn Khắc Sơn số tiền nêu trên.

Như vậy, bằng các thủ đoạn nêu trên, Nguyễn Khắc Sơn đã chiếm đoạt tổng số tiền 60.421.181.779 đồng của Chi nhánh Công ty XNK N, phạm vào tội “Tham ô tài sản”, quy định tại Điều 278 Bộ luật hình sự năm 1999.

2/ Hành vi “Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng” của Nguyễn Khắc Sơn:

Thông qua mối quan hệ làm ăn với Huỳnh Quốc Dũng, sinh năm 1959 trú tại phường 11, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh, Giám đốc Công ty TNHH Xây dựng thương mại Công Đức (Công ty Công Đức), với mục đích để có nguồn tiền bù lỗ kinh doanh, trả nợ cho Chi nhánh Công ty XNK N nhằm che dấu các khoản tiền đã chiếm đoạt trước đó, Nguyễn Khắc Sơn đã nhờ Huỳnh Quốc Dũng với nội dung: Chi nhánh sẽ lập các Hợp đồng mua bán giấy không cho Công ty Công Đức để Huỳnh Quốc Dũng lập hồ sơ vay vốn và thủ tục thế chấp các lô giấy của Chi nhánh làm tài sản đảm bảo vốn vay tại Ngân hàng, Nguyễn Khắc Sơn tự liên hệ để làm các thủ tục xin vay, sau khi được duyệt cho vay, Huỳnh Quốc Dũng sẽ ký hoàn tất các thủ tục và nhận số tiền vay sau đó đưa lại cho Nguyễn Khắc Sơn sử dụng. Huỳnh Quốc Dũng đã sử dụng tư cách pháp nhân Công ty Công Đức đồng thời còn sử dụng tư cách pháp nhân Công ty TNHH Thiên Tường và Công ty TNHH Âu Á do Huỳnh Quốc Dũng thành lập, điều hành để ký các Hợp đồng mua bán giấy không với Chi nhánh Công ty XNK N để Nguyễn Khắc Sơn sử dụng vốn vay tại Ngân hàng Phương Nam - Chi nhánh Minh Phụng (nay là Ngân hàng Sacombank - Chi nhánh Minh Phụng), Ngân hàng Công thương Chi nhánh Khu Công nghiệp tỉnh Bình Dương, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Chi nhánh quận 10 thành phố

Hồ Chí Minh. Kết quả điều tra xác định: Từ tháng 4/2000 đến tháng 5/2002, Nguyễn Khắc Sơn đã lập các Hợp đồng và xuất Hóa đơn GTGT không có nội dung: Chi nhánh Công ty XNK N bán giấy cho 03 doanh nghiệp nêu trên để đưa vào hồ sơ vay vốn. Khi đến hạn trả nợ vay, Nguyễn Khắc Sơn không có tiền trả nợ nên các Ngân hàng nêu trên đã xử lý thu hồi hết nợ gốc và lãi bằng cách bán các lô giấy của Chi nhánh Công ty XNK N là tài sản thế chấp dẫn đến Chi nhánh bị thất thoát tổng số tiền 8.023.719.367 đồng, cụ thể như sau:

- Ngày 10/4/2001, Nguyễn Khắc Sơn lập Hợp đồng số 10/2001-HĐ, có nội dung: Chi nhánh bán cho Công ty Công Đức 470,018 tấn giấy in dạng cuộn, trị giá 7.097.271.941 đồng. Theo thỏa thuận, toàn bộ hợp đồng cùng chứng từ kèm theo Huỳnh Quốc Dũng đưa vào hồ sơ vay 4.000.000.000 đồng tại Ngân hàng Phương Nam - Chi nhánh Minh Phụng (nay là Ngân hàng Sacombank - Chi nhánh Minh Phụng). Sau khi nhận số tiền vay nêu trên từ Huỳnh Quốc Dũng, Nguyễn Khắc Sơn sử dụng thanh toán cho Chi nhánh Công ty XNK N 3.000.000.000 đồng, còn lại 1.000.000.000 đồng Nguyễn Khắc Sơn sử dụng vào mục đích cá nhân. Khi khoản vay trên quá hạn tất toán, Chi nhánh đã bán số giấy đang thế chấp trên cho Công ty TNHH Vĩnh Tiến lấy tiền thanh toán trả cho ngân hàng. Như vậy, có cơ sở xác định đối với Hợp đồng kinh tế số 10/2001-HĐ nêu trên, Chi nhánh Công ty XNK N đã thu được số tiền 3.000.000.000 đồng, còn lại số tiền 4.097.271.941 đồng (7.097.271.941 đồng - 3.000.000.000 đồng).

- Ngày 08/6/2001, Nguyễn Khắc Sơn lập Hợp đồng số 16/2001-HĐ, có nội dung bán cho Công ty Công Đức 792,642 tấn giấy in Tân Mai và 213,566 giấy in dạng cuộn, trị giá 15.274.237.440 đồng. Tương tự, Huỳnh Quốc Dũng đem thế chấp số giấy in nêu trên để vay 9.000.000.000 đồng tại Ngân hàng TMCP Công thương Chi nhánh KCN Bình Dương. Toàn bộ số tiền vay, Nguyễn Khắc Sơn sử dụng thanh toán cho Chi nhánh Công ty XNK N. Ngoài ra, Nguyễn Khắc Sơn còn sử dụng nguồn tiền của cá nhân thanh toán thêm được cho Chi nhánh số tiền 3.500.000.000 đồng. Tổng cộng Chi nhánh đã thu được số tiền 12.500.000.000 đồng (3.500.000.000 đồng + 9.000.000.000 đồng). Khi khoản vay trên quá hạn tất toán, Ngân hàng TMCP Công thương Chi nhánh KCN Bình Dương đã bán phát mãi toàn bộ số lượng giấy in nêu trên để thu hồi toàn bộ số tiền cho vay là: 9.000.000.000 đồng.

Như vậy, có cơ sở xác định đối với Hợp đồng kinh tế nêu trên, Chi nhánh Công ty XNK N chỉ thu được số tiền 12.500.000.000 đồng, còn lại số tiền 2.774.237.440 đồng gây thất thoát cho Chi nhánh Công ty XNK N (15.274.237.440 đồng - 12.500.000.000 đồng).

- Ngày 25/02/2002 và ngày 09/05/2002, Nguyễn Khắc Sơn lập 02 Hợp đồng số 05/2002-HĐ và số 13/2002-HĐ, có nội dung: Chi nhánh bán cho Công ty TNHH Thiên Tường 906,217 tấn giấy in báo Thailand, trị giá 9.675.026.581 đồng. Tương tự, Lê Tấn Phát, Giám đốc Công ty Thiên Tường đã sử dụng toàn bộ hợp đồng, hóa đơn, chứng từ kèm theo để vay vốn tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Chi nhánh 10, thành phố Hồ Chí Minh số tiền 04 tỷ đồng. Nguyễn Khắc Sơn là người sử dụng số tiền này. Khi đến hạn không

thanh toán được nợ vay, Ngân hàng đã bán phát mãi 906,217 tấn giấy để thu hồi vốn vay. Sau khi sử dụng số tiền vay của các Hợp đồng kinh tế nêu trên, Nguyễn Khắc Sơn đã hoàn trả được 8.522.816.595 đồng, còn lại 1.152.209.986 đồng (9.675.026.581 đồng - 8.522.816.595 đồng) gây thất thoát cho Chi nhánh Công ty XNK N.

Tổng số tiền Công ty XNK Ngành In bị thất thoát là 8.023.719.367 đồng. Ngày 18/01/2019, Công ty XNK Ngành In có Văn bản xác định số tiền nêu trên bị thất thoát do trong quá trình Nguyễn Khắc Sơn ký hợp đồng bán hàng dẫn đến không thu hồi được. Tại quy định tại Điều 4 Pháp lệnh Hợp đồng kinh tế ngày 25/9/1988 quy định “...*Không được lợi dụng ký kết hợp đồng kinh tế để hoạt động trái pháp luật.*”. Như vậy, hành vi nêu trên của Nguyễn Khắc Sơn có căn cứ xác định phạm vào tội “Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng”, quy định tại Điều 165 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Liên quan đến việc thất thoát số tiền này có dấu hiệu đồng phạm của Huỳnh Quốc Dũng, Giám đốc Công ty Công Đức, Lê Tấn Phát, Giám đốc Công ty Thiên Tường và Lê Hồng Vân, Giám đốc Công ty Âu Á, đã có hành vi ký các Hợp đồng mua giấy với Chi nhánh Công ty XNK N, xuất các Hóa đơn GTGT có nội dung mua giấy nhưng thực tế Nguyễn Khắc Sơn sử dụng toàn bộ hồ sơ mua bán để thế chấp vay vốn tại Ngân hàng Phương Nam - Chi nhánh Minh Phụng (nay là Ngân hàng Sacombank - Chi nhánh Minh Phụng), Ngân hàng Công thương Chi nhánh tỉnh Bình Dương, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Chi nhánh quận 10 thành phố Hồ Chí Minh để Nguyễn Khắc Sơn sử dụng không đúng mục đích gây thất thoát cho Chi nhánh Công ty XNK N. Liên quan đến sự việc trên còn có hành vi liên quan của Nguyễn Thị Thu V, kế toán tổng hợp, Lê Thị Kim Liên, kế toán công nợ và Lê Minh Nhã, nhân viên giao nhận hàng hóa, thu tiền của Chi nhánh Công ty XNK N. Tuy nhiên, do Nguyễn Khắc Sơn đã bỏ trốn khỏi nơi cư trú hiện đang bị truy nã theo Quyết định truy nã số 01/015 ngày 10/11/2004 của Cơ quan CSĐT Bộ Công an chưa bắt giữ được do vậy Cơ quan CSĐT Bộ Công an sẽ điều tra, xử lý hành vi của các cá nhân nêu trên sau khi bắt được Nguyễn Khắc Sơn theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, trong quá trình điều hành hoạt động của Chi nhánh Công ty XNK Ngành In, Nguyễn Khắc Sơn đại diện Chi nhánh ký các Hợp đồng kinh tế bán hàng làm phát sinh các công nợ đến nay không thu hồi được, cụ thể như sau:

- Ngày 01/08/2000, Chi nhánh Công ty XNK N xuất hóa đơn GTGT số 72572 bán cho Công ty TNHH XD-TM Công Đức 99,9834 tấn giấy Bitkoto, trị giá 1.479.754.377 đồng, đến nay chưa thu hồi được số tiền này.

- Ngày 08/12/2000 và ngày 01/07/2001 Chi nhánh Công ty XNK N bán 952,686 tấn giấy cho Công ty TNHH Âu Á trị giá 14.471.775.979 đồng, Công ty này đã thanh toán được 12.700.000.000 đồng, còn nợ 1.771.775.979 đồng. Kết quả điều tra xác định đây là khoản tiền chưa thu hồi được nợ từ Công ty Âu Á;

- Ngày 09/07/2001 và ngày 17/12/2001, Chi nhánh Công ty XNK N xuất bán 70,386 tấn giấy trị giá 1.045.232.100 đồng cho Cơ sở Tín Hưng. Đến nay,

do doanh nghiệp này không còn hoạt động nên Chi nhánh Công ty XNK N chưa thu hồi được số tiền nêu trên.

- Ngày 19/07/2001, Chi nhánh Công ty XNK N bán 86,010 tấn giấy các loại cho Công ty Trần Mai Nguyên trị giá 1.180.143.218 đồng, bán máy cán vân trị giá 440.000.000 đồng và tiền gia công in còn nợ 196.119.788 đồng. Qua đối chiếu Công ty Trần Mai Nguyên xác nhận chỉ còn nợ Chi nhánh số tiền 545.000.000 đồng. Cơ quan điều tra đã chứng minh Nguyễn Khắc Sơn chiếm đoạt 141.000.000 đồng, còn lại 404.000.000 đồng đến nay chưa thu hồi được do doanh nghiệp này không còn hoạt động tại địa chỉ kinh doanh.

- Ngày 20/08/2002, Chi nhánh Công ty XNK N ký Hợp đồng kinh tế số 04/08/02CD mua 1.200 tấn giấy của Công ty Công Đức, trị giá 10.200.000.000 đồng, Chi nhánh đã ứng cho Công ty Công Đức 4.000.000.000 đồng, Công ty Công Đức chỉ giao được 4,657 tấn giấy, trị giá 66.129.400 đồng, nên Công ty Công Đức còn nợ 3.933.870.600 đồng, đến nay Chi nhánh chưa nhận được hàng theo hợp đồng hoặc nhận lại tiền đã tạm ứng.

Tổng cộng các khoản nợ chưa thu hồi được liên quan đến Công ty Công Đức, Công ty Âu Á, Cơ sở Tín Hưng và Công ty Trần Mai Nguyên nêu trên là 8.634.633.056 đồng, Công ty XNK Ngành In cũng xác định số tiền 8.634.633.056 đồng này nằm trong tổng số tiền chưa thu hồi được, hiện Công ty vẫn đang hoạch toán theo dõi công nợ phải thu theo quy định của Luật kế toán nên không xem xét xử lý hình sự đối với khoản tiền này.

3/ Hành vi “Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng” của Phan Thị Ngọc D, Thủ quỹ Chi nhánh Công ty XNK N:

Năm 1993, sau khi thành lập Chi nhánh Công ty XNK N, Phan Thị Ngọc D được tuyển vào làm việc và được Nguyễn Khắc Sơn phân công làm nhân viên Thủ quỹ của Chi nhánh. Tại Điều 7 Pháp lệnh Kế toán và Thống kê năm 1988; Mục 8, điểm 7 Thông tư số 555-TCTK/PPCD ngày 13/9/1988 của Tổng Cục Thống kê và Điều 4 Nghị định số 25-HĐBT ngày 18/3/1989 của Hội đồng Bộ trưởng ban hành Điều lệ Tổ chức Kế toán Nhà nước quy định như sau:

Điều 7 Pháp lệnh Kế toán và Thống kê. Nghiêm cấm các hành vi sau đây:

- 1, Giả mạo chứng từ, lập sổ sách, báo cáo kế toán thống kê sai sự thật.
- 2, Khai man số liệu, báo cáo sai sự thật...
- 3, Để ngoài sổ sách kế toán tài sản, vật tư, tiền vốn và kinh phí..

Điều 8 Pháp lệnh Kế toán và Thống kê. Ghi chép ban đầu:

Mọi hoạt động kinh tế, tài chính phát sinh ở bất cứ bộ phận nào trong đơn vị đều phải được lập ngay chứng từ gốc..

Chứng từ gốc chỉ lập một lần và phải ghi chép đầy đủ, kịp thời, đúng sự thật, chính xác mọi hoạt động kinh tế, tài chính đã phát sinh..

Mục 8, điểm 7 Thông tư số 555-TCTK/PPCD ngày 13/9/1988 của Tổng Cục Thống kê: Đối với thống kê cần đặc biệt chú ý các điểm sau đây:

- a) Giả mạo chứng từ, lập sổ sách, báo cáo kế toán, thống kê sai sự thật.
- b) Giả mạo chứng từ là lập chứng từ để ghi chép các hiện tượng kinh tế, xã hội không phát sinh hoặc có phát sinh nhưng không đúng với nội dung, thời gian và địa điểm mà hiện tượng xuất hiện.

Điều 4 Nghị định số 25-HĐBT ngày 18/3/1989 của Hội đồng Bộ trưởng ban hành Điều lệ Tổ chức Kế toán Nhà nước: *Việc ghi chép kế toán phải đầy đủ, chính xác, trung thực, kịp thời và có hệ thống.*

Như đã chứng minh hành vi “Tham ô tài sản” đối với bị can Nguyễn Khắc Sơn, kết quả điều tra xác định: Sau khi ký các Hợp đồng kinh tế, Nguyễn Khắc Sơn ký các Giấy giới thiệu các nhân viên của Chi nhánh gồm: Trần Thanh Tuấn, Nguyễn Văn Ngọc Tòng, Nguyễn Khắc Minh và Nguyễn Bá Tùng để thu tiền từ các khách hàng, sau khi nhận tiền về giao lại cho Phan Thị Ngọc D, theo chỉ đạo của Nguyễn Khắc Sơn, Phan Thị Ngọc D lập hai hệ thống sổ quỹ: một loại sổ ghi thu, chi thực - sổ này cuối ngày Sơn quản lý; một loại sổ ghi thu, chi giả theo chỉ đạo của Sơn để cân đối tài chính và dựa vào sổ này để làm báo cáo thuế, báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh với Công ty XNK Ngành In, trước khi bỏ trốn Sơn đã tiêu hủy các cuốn sổ này. Do đó có nhiều khoản thu, chi (kể cả chi tiền mặt cho Sơn) Sơn vẫn chỉ đạo Diệp không lập phiếu, nếu lập phiếu thì ghi chi không cho khách hàng hoặc nhân viên dưới quyền thông qua thủ đoạn này, từ năm 1999 đến thời điểm bỏ trốn (năm 2004), Nguyễn Khắc Sơn đã chiếm đoạt cá nhân 60.421.181.779 đồng, gây thất thoát cho Công ty XNK Ngành In số tiền 8.023.719.367 đồng.

Tại Cơ quan điều tra, Phan Thị Ngọc D khai nhận nội dung sai phạm của mình trong việc đã thực hiện không đúng các quy định của Nhà nước về công tác kế toán dẫn đến gây thiệt hại cho Công ty XNK Ngành In như kết quả điều tra của Cơ quan điều tra và phù hợp với lời khai của Trần Thanh Tuấn, Nguyễn Văn Ngọc Tòng, Nguyễn Khắc Minh và Nguyễn Bá Tùng, nhân viên Chi nhánh Công ty XNK N cùng các tài liệu thu giữ có trong hồ sơ vụ án như: Hợp đồng kinh tế được ký kết giữa Chi nhánh Công ty XNK N với Doanh nghiệp tư nhân Thịnh Phát, Công ty giấy Tân Mai, Công ty TNHH Vững Tiến, Công ty giấy An Bình, Công ty Trần Mai Nguyên, Báo Tuổi Trẻ, Nhà In báo Nhân Dân cùng các Hóa đơn GTGT kèm theo; Tập Giấy Giới thiệu do Nguyễn Khắc Sơn ký có nội dung giao cho các nhân viên của Chi nhánh đi nhận tiền hàng (có ký nhận tiền); Tập các Phiếu thu tiền do Phan Thị Ngọc D lập có trong hồ sơ vụ án.

Đủ cơ sở kết luận hành vi của Phan Thị Ngọc D là làm trái Điều 7 Pháp lệnh Kế toán và Thống kê năm 1988; Mục 8, điểm 7 Thông tư số 555-TCTK/PPCD ngày 13/9/1988 của Tổng Cục Thống kê và Điều 4 Nghị định số 25-HĐBT ngày 18/3/1989 của Hội đồng Bộ trưởng ban hành Điều lệ Tc(chức Kế toán Nhà nước phạm vào tội “Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng” theo Điều 165 BLHS năm 1999.

4/ Hành vi “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng” của Phương Đình C, Giám đốc và Nguyễn Văn Q, Kế toán trưởng, Công ty XNK Ngành In và Nguyễn Thị Thu V, Kế toán Chi nhánh Công ty XNK N:

Công ty XNK Ngành In được thành lập theo Quyết định số 300/QĐ ngày 15/3/1993 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa Thông tin theo đó Công ty XNK Ngành In tổ chức doanh nghiệp theo hình thức Doanh nghiệp Nhà nước hạch toán kinh tế độc lập. Phương Đình C được bổ nhiệm làm Giám đốc Công ty XNK Ngành In từ tháng 4/1997 theo Quyết định số 735/TC-QĐ ngày 08/4/1997 và Nguyễn Văn Q được bổ nhiệm làm Phó Phòng Kế toán Công ty XNK Ngành In từ tháng 03/1993 và là Kế toán trưởng Công ty XNK Ngành In từ tháng 08/2001 theo Quyết định số 1858/QĐ-BVHTT của Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin.

Tại Điều 9 Điều lệ Tổ chức và hoạt động kinh doanh của Công ty XNK Ngành In ban hành kèm theo Quyết định số 300/QĐ ngày 15/3/1993 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa Thông tin quy định: Đứng đầu Công ty là Giám đốc Công ty. Giám đốc Công ty tổ chức, điều hành mọi hoạt động của Công ty theo chế độ thủ trưởng và chịu trách nhiệm toàn diện trước Nhà nước và tập thể cán bộ công nhân viên Công ty.

Tại khoản 1 Điều 12 Luật Doanh nghiệp Nhà nước số 39-L/CTN ngày 20/4/1995 của Quốc Hội khóa IX quy định: Doanh nghiệp Nhà nước có nghĩa vụ thực hiện đúng chế độ và các quy định về quản lý vốn, tài sản, các quỹ, về kế toán và các chế độ khác do Nhà nước quy định; chịu trách nhiệm về tính xác thực và hợp pháp của các hoạt động tài chính của doanh nghiệp.

Tại Điều 14 Pháp lệnh Kế toán và Thống kê năm 1988; Điều 32 Nghị định số 25-HĐBT ngày 18/3/1989 của Hội đồng Bộ trưởng ban hành Điều lệ Tổ chức Kế toán Nhà nước quy định như sau:

Điều 14 Pháp lệnh Kế toán và Thống kê năm 1988. Kiểm tra kế toán, thống kê:

Các cơ quan tài chính, thống kê và các cơ quan chủ quản phải kiểm tra việc chấp hành chế độ kế toán, thống kê một cách thường xuyên và có hệ thống đối với các đơn vị theo chức năng và quyền hạn của mình.

Việc kiểm tra kế toán phải được thực hiện ở đơn vị ít nhất mỗi năm một lần và nhất thiết phải được thực hiện trước khi xét duyệt quyết toán.

Điều 32 Nghị định số 25-HĐBT ngày 18/3/1989 của Hội đồng Bộ trưởng ban hành Điều lệ Tổ chức Kế toán Nhà nước: Kiểm tra kế toán phải được thực hiện thường xuyên liên tục, có hệ thống. Mọi thời kỳ hoạt động của đơn vị đều phải được kiểm tra kế toán... Nội dung kiểm tra kế toán là kiểm tra việc tính toán, ghi chép, phản ánh của các chứng từ kế toán và báo cáo kế toán.

Mặt khác, theo Quy chế hoạt động của Chi nhánh Công ty XNK N đã được Bộ Văn hóa Thông tin phê duyệt; Điều lệ tổ chức và hoạt động kinh doanh của Công ty XNK Ngành In ngày 20/3/1993, ban hành kèm theo Quyết định số 1149/TC-QĐ ngày 28/8/1993 của Bộ Văn hóa Thông tin và Điều II Quyết định số 107/XNKI ngày 17/3/1997 của Công ty XNK Ngành in quy định “Chi nhánh

được quyền giao dịch với Ngân hàng và các cơ quan đơn vị Nhà nước và thành phần kinh tế để thực hiện các hoạt động của Chi nhánh. Khi vay vốn của Ngân hàng với khế ước vay trên 500 triệu đồng Chi nhánh phải có phương án trình Giám đốc Công ty xem xét để ký bảo lãnh ”. Tuy nhiên, tài liệu điều tra xác định: Phương Đình C đã ký Giấy ủy quyền để Nguyễn Khắc Sơn, Trưởng Chi nhánh tiến hành ký kết hợp đồng kinh tế, hợp đồng vay vốn tại các Ngân hàng. Nhưng trong quá trình Chi nhánh thực hiện các phương án kinh doanh, Phương Đình C đã thiếu kiểm tra, dẫn đến Nguyễn Khắc Sơn lợi dụng việc thực hiện các Hợp đồng kinh tế, Hợp đồng vay tiền để chiếm đoạt tiền của Nhà nước, nhưng không được phát hiện kịp thời. Hàng năm Phương Đình C đều vào Chi nhánh từ 2 đến 3 lần, song thực tế không kiểm tra việc thực hiện hoạt động kinh doanh của Chi nhánh, mà chỉ nghe Nguyễn Khắc Sơn báo cáo miệng, nên không nắm bắt được tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Chi nhánh. Theo bị can Nguyễn Thị Thu V khai: Hàng tháng, hàng quý, tất cả Báo cáo của Chi nhánh gửi ra Công ty XNK Ngành In đều thể hiện công nợ, song Phương Đình C đã không kiểm tra, rà soát, đối chiếu công nợ phản ánh trên sổ Kế toán, sổ quỹ tiền mặt gốc, sổ tiền bán hàng, thanh toán của các Hợp đồng kinh tế do chính Nguyễn Văn Q ký ủy quyền cho Nguyễn Khắc Sơn ký, thực hiện có nội dung mua, bán giấy in và bột giấy với các doanh nghiệp để xác định doanh thu thực tế của Chi nhánh mà chỉ dựa vào số liệu thể hiện trên báo cáo kết quả kinh doanh của Chi nhánh do Nguyễn Khắc Sơn chỉ đạo Nguyễn Thị Thu V ký xác nhận. Tại Bản kết luận Thanh tra số 308 ngày 15/10/2004 của Thanh tra Bộ Văn hóa-Thông tin cũng đã kết luận: *“Phương Đình C, Giám đốc công ty đã không chấp hành nghiêm túc các quy định của Nhà nước về quản lý một đơn vị trực thuộc công ty, buông lỏng quản lý, không kiểm soát được công tác điều hành hoạt động kinh doanh của Trưởng chi nhánh, để cho Trưởng chi nhánh lợi dụng, gây thiệt hại cho nhà nước. Giám đốc không làm tròn nhiệm vụ và quyền hạn được quy định tại Điều 26, vi phạm điểm đ, khoản 4, Điều 27 Luật doanh nghiệp Nhà nước năm 2003”.* Qua xét hỏi, Phương Đình C cũng đã thừa nhận việc làm thiếu trách nhiệm của mình và toàn bộ hành vi sai phạm trên.

Đối với Nguyễn Văn Q, theo quy định toàn bộ phương án kinh doanh, phương án xin vay vốn của chi nhánh đều được Nguyễn Văn Q xem xét kiểm tra lại, nếu thấy có hiệu quả thì soạn thảo các giấy ủy quyền và đề xuất để Phương Đình C, Giám đốc ký ủy quyền cho Nguyễn Khắc Sơn thực hiện. Tuy nhiên hầu hết các phương án do chi nhánh lập để thực hiện hoạt động kinh doanh đều không được kiểm tra tính khả thi của nó. Mặc dù Chi nhánh Công ty XNK N là đơn vị kinh doanh báo sổ, những công tác kiểm tra, kiểm soát việc thực hiện chế độ tài chính tại chi nhánh không được kế toán trưởng thực hiện theo đúng quy định. Hàng năm, Nguyễn Văn Q vào chi nhánh để kiểm tra, nhưng không kiểm tra việc thực hiện các phương án kinh doanh, phương án vay vốn, việc thực hiện nguyên tắc chế độ kế toán tài chính, mà chỉ nghe Nguyễn Khắc Sơn báo cáo miệng nên không phát hiện tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của chi nhánh. Khoản công nợ giả nội dung DNTN Thịnh Phát còn nợ chi nhánh 43.420.168.713 đồng đã được Nguyễn Thị Thu V báo cáo nhiều lần, nhưng không được Nguyễn Văn Q kiểm tra phát hiện.

Ngày 03/02/2004, Nguyễn Văn Q nhận được bản fax đối chiếu công nợ giữa Chi nhánh Công ty XNK N và DNTN Thịnh Phát thể hiện doanh nghiệp này còn nợ chi nhánh số tiền lớn (hơn 43 tỷ đồng). Đồng thời ngay sau đó Nguyễn Thị Thu V, Kế toán chi nhánh có điện thoại báo cho Quân biết chi nhánh chưa đi đối chiếu thực tế với DNTN Thịnh Phát khoản nợ trên. Chị Vân đề nghị anh Quân vào để cùng đối chiếu công nợ với DNTN Thịnh Phát về khoản nợ theo bản fax, đến tháng 3/2004 Nguyễn Văn Q vào công tác tại chi nhánh (8 ngày) nhưng không tiến hành kiểm tra đối chiếu, không có báo cáo với Ban giám đốc, từ đó không kịp thời phát hiện sai phạm của Nguyễn Khắc Sơn. Theo bản kết luận Thanh tra số 308 ngày 15/10/2004 của Thanh tra Bộ Văn hóa-Thông tin cũng đã xác định: *“Kế toán trưởng Công ty Nguyễn Văn Q đã không chấp hành nghiêm túc các quy định của Nhà nước về quản lý tài chính, buông lỏng quản lý, không giúp Giám đốc kiểm soát được hoạt động tài chính của chi nhánh, để cho Trưởng chi nhánh lợi dụng, thao túng gây thiệt hại cho công ty, cho nhà nước. Kế toán trưởng đã không làm tròn trách nhiệm và quyền hạn của Kế toán trưởng được quy định tại Điều 54 Luật kế toán năm 2003, vi phạm khoản 3, Điều 23 Luật doanh nghiệp Nhà nước năm 2003”*. Qua xét hỏi, Nguyễn Văn Q đã thừa nhận những sai phạm trên.

Đối với Nguyễn Thị Thu V, Kế toán Chi nhánh Công ty XNK N, tài liệu điều tra xác định: Quá trình thực hiện nhiệm vụ thu, chi và quản lý tiền của Chi nhánh, theo yêu cầu của Nguyễn Khắc Sơn, Nguyễn Thị Thu V chỉ đến Chi nhánh 02 buổi một tuần để ký các chứng từ kế toán do Sơn chỉ đạo các nhân viên của Chi nhánh viết sẵn từ trước để làm Báo cáo thuế, Báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Chi nhánh cho Công ty XNK Ngành In tại Hà Nội. Các Báo cáo thuế và Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh của Chi nhánh là không chính xác vì trong nội dung báo cáo có các số liệu kế toán là giả mạo do Nguyễn Khắc Sơn chỉ đạo đưa vào nội dung Báo cáo để che dấu hành vi chiếm đoạt tiền của mình. Do vậy, Nguyễn Thị Thu V khi ký thừa ủy quyền tại mục Kế toán trưởng trên các chứng từ phát hành (phiếu thu, phiếu chi, hóa đơn, séc, ủy nhiệm chi) đã không đối chiếu, kiểm soát các hoạt động kinh doanh, mua bán hàng hóa thực tế tại Chi nhánh theo quy định tại Mục 8, điểm 7 Thông tư số 555- TCTK/PPCD ngày 13/9/1988 của Tổng Cục Thống kê và Điều 4 Nghị định số 25-HĐBT ngày 18/3/1989 của Hội đồng Bộ trưởng ban hành Điều lệ Tổ chức Kế toán Nhà nước như nêu trên.

Đủ cơ sở kết luận: Hành vi của Phương Đình Chiến, Nguyễn Văn Q và Nguyễn Thị Thu V phạm vào tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng” theo Điều 285 Bộ luật hình sự năm 1999, số tiền thiệt hại do hành vi thiếu trách nhiệm nêu trên là số tiền Chi nhánh Công ty XNK N bị thất thoát 68.444.901.146 đồng, trong đó Nguyễn Khắc Sơn tham ô, chiếm đoạt sử dụng cá nhân 60.421.181.779 đồng, cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng gây thiệt hại 8.023.719.367 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 439/2019/HS-ST ngày 13/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ Khoản 3 Điều 165 Bộ luật Hình sự 1999, sửa đổi bổ sung 2009; Điểm s, t Khoản 1 Khoản 2 Điều 51; Khoản 1 Điều 54; Điều 65 Bộ luật Hình sự 2015,

Xử phạt bị cáo Phan Thị Ngọc D 03 (Ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo về tội: “Cố ý làm trái quy định của nhà nước về trật tự quản lý kinh tế, gây hậu quả nghiêm trọng”. Thời gian thử thách là 05 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Phan Thị Ngọc D cho Ủy ban nhân dân Phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát và giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Căn cứ Khoản 2 Điều 285 Bộ luật Hình sự 1999, sửa đổi bổ sung 2009; Điểm s, t Khoản 1 Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015,

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Q 03 (Ba) năm tù về tội: “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt chấp hành án.

Căn cứ Điểm b Khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015:

Giao trả số tiền 163.756.000 đồng do Cơ sở Đồng Hòa giao nộp và số tiền 100.000.000 đồng do Công ty Cổ phần Vĩnh Tiến giao nộp cho Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu N. (Số tiền trên đang tạm giữ tại tài khoản cơ quan cảnh sát điều tra Bộ Công an theo phiếu nộp tiền lập ngày 12/11/2018 và ngày 10/11/2005)

Căn cứ vào Điều 30 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015:

1/ Tách phần dân sự về vấn đề bồi thường thiệt hại trong vụ án để giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự (Khi nào bắt được bị can Nguyễn Khắc Sơn sẽ được xử lý theo quy định của pháp luật).

2/ Tách ra để giải quyết theo thủ tục Tố tụng dân sự đối với Hợp đồng cầm cố số 167 ngày 11/12/2002 giữa Doanh nghiệp tư nhân mỹ thuật Nguyễn với Ngân hàng Công thương chi nhánh 2 và chi nhánh Công ty Xuất nhập khẩu ngành in liên quan đến số tiền 320.000.000 đồng do Cơ quan cảnh sát điều tra tạm giữ. Tiếp tục tạm giữ số tiền 320.000.000 đồng để đảm bảo thi hành án vụ án dân sự trên (theo phiếu nộp tiền lập ngày 12/11/2018).

Căn cứ vào Điều 130 Bộ luật Tố Tụng Hình sự 2015, hủy bỏ lệnh kê biên đối với các tài sản sau:

1/ Căn nhà số D5, Cư xá Tây Thạnh, Phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí minh (Theo Lệnh Kê Biên số 02/C15B-P11 ngày 02/8/2005 và Biên bản kê biên ngày 30/8/2005 của Cơ quan Cảnh sát điều tra – Bộ công an).

2/ Căn nhà số 7B1, tập thể Đ, phường O, quận Đ, Thành phố Hà Nội của bị cáo Phương Đình C (Theo Lệnh Kê Biên số 03/C15B-P11 ngày 02/8/2005 và biên bản kê biên tài sản ngày 13/9/2005 của Cơ quan Cảnh sát điều tra – Bộ công an).

3/ Căn nhà 03/61/33 Lạc Trung, Phường Vĩnh Tuy, Thành phố Hà Nội của bị cáo Nguyễn Văn Q (Theo Lệnh Kê Biên số 04/C15B-P11 ngày 02/8/2005

và Biên bản kê biên tài sản ngày 13/9/2005 của Cơ quan Cảnh sát điều tra – Bộ công an).

4/ Căn nhà số 11/5B ấp H, xã B, huyện H, thành phố Hồ Chí Minh của bị cáo Nguyễn Thị Thu V (Theo Lệnh Kê Biên số 05/C15B-P11 ngày 02/8/2005 và biên bản kê biên tài sản ngày 30/8/2005 của Cơ quan Cảnh sát điều tra – Bộ công an)

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 13/11/2019 Bị cáo D kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và Bị cáo Q xin hưởng án treo; ngày 22/11/2019 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị tăng hình phạt và không cho Bị cáo D hưởng án treo, về trách nhiệm dân sự buộc các bị cáo trong vụ án phải liên đới bồi thường thiệt hại cho nhà nước, cụ thể:

Phan Thị Ngọc D bồi thường 35% thiệt hại là 23.955.715.401 đồng;

Phương Đình C bồi thường 25% thiệt hại là 17.111.225.287 đồng;

Nguyễn Văn Q bồi thường 20% thiệt hại là 13.688.980.229 đồng;

Nguyễn Thị Thu V bồi thường 20% thiệt hại là 13.688.980.229 đồng; nên tiếp tục kê biên tài sản của các bị cáo trong vụ án, nhằm đảm bảo thi hành án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh rút một phần kháng nghị về trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Phan Thị Ngọc D, giữ nguyên kháng nghị về phần trách nhiệm dân sự. Bị cáo D rút kháng cáo, đồng ý mức án của bản án sơ thẩm. Bị cáo Q giữ nguyên kháng cáo.

Trong phần tranh tụng, Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Tòa án cấp sơ thẩm quyết định hình phạt đối với Bị cáo D là phù hợp, tương xứng với mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh rút 1 phần kháng nghị về trách nhiệm hình sự với Bị cáo D. Đồng thời, tại phiên tòa, Bị cáo D cũng rút kháng cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1, 3 Điều 342 Bộ luật tố tụng hình sự đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần kháng cáo, kháng nghị này. Bị cáo Q kháng cáo xin hưởng án treo là không có căn cứ vì Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ hình phạt xử bị cáo mức án 03 năm tù là tương xứng.

Đối với kháng nghị về trách nhiệm dân sự: Tài sản nhà nước bị thất thoát và bị Nguyễn Khắc Sơn chiếm đoạt do sự giúp sức của các bị cáo; do đó, phải buộc các bị cáo có trách nhiệm bồi thường để thu hồi lại tài sản cho nhà nước là có căn cứ, khi nào bắt được Nguyễn Khắc Sơn thì sẽ giải quyết sau.

Căn cứ Điều 355, 356, 357 Bộ luật tố tụng hình sự đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của Bị cáo Q, chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, sửa bản án sơ thẩm về trách nhiệm dân sự đối với các bị cáo.

Luật sư Trần Văn Toàn bào chữa cho Bị cáo D và Bị cáo Q trình bày: Về trách nhiệm hình sự, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã rút một phần kháng nghị đối với Bị cáo D và Bị cáo Q cũng rút kháng cáo nên không tranh luận. Riêng đối với Bị cáo Q, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo 3 năm tù là quá nghiêm khắc với bị cáo. Bị cáo kháng cáo xin được hưởng án treo bởi những căn cứ: Bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, ổn định, là lao động chính trong gia đình; bị cáo có anh trai là liệt sỹ; đang phụng dưỡng cha vợ là ông Trần Độ tuổi cao sức yếu - nguyên là cán bộ của ngành Tòa án; hiện hoàn cảnh gia đình bị cáo rất khó khăn; bị cáo bị bệnh hiểm nghèo, đang điều trị tại Bệnh viện Việt Pháp. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 54, Điều 65 Bộ luật hình sự và khoản 1 Điều 2 Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP hướng dẫn Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo, chấp nhận kháng cáo của Bị cáo Q, cho bị cáo được hưởng án treo để có điều kiện điều trị bệnh và lo cho gia đình.

Đối với kháng nghị về phân trách nhiệm dân sự, Tòa án cấp sơ thẩm tách phân trách nhiệm dân sự để giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự, khi nào bắt được Nguyễn Khắc Sơn thì sẽ giải quyết và hủy bỏ các biện pháp kê biên đối với tài sản của các bị cáo. Bị cáo D và Bị cáo Q không trực tiếp chiếm đoạt tài sản, chỉ là người làm công ăn lương, không hưởng lợi mà chỉ làm theo chỉ đạo của cấp trên nên không phải chịu trách nhiệm dân sự như quyết định của bản án sơ thẩm là phù hợp, đề nghị bác kháng nghị, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị cáo Nguyễn Thị Thu V tranh tụng: Bị cáo tham gia vụ án với vai trò là người giúp sức, là nhân viên nên phải làm theo chỉ đạo của cấp trên. Bị cáo đã làm hết trách nhiệm và hoàn toàn không hưởng lợi gì trong vụ án. Bị cáo không đồng ý bồi thường đối với hậu quả do sai phạm của Nguyễn Khắc Sơn gây ra. Hiện bị cáo hoàn cảnh rất khó khăn, bệnh tật nên không có thu nhập, căn nhà là của cha mẹ chồng bị cáo chứ không phải của bị cáo. Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Đơn kháng cáo của bị cáo Phan Thị Ngọc D, Nguyễn Văn Q và kháng nghị phúc thẩm của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đúng luật định, nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[1]. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh rút một phần kháng nghị về phần đề nghị tăng hình phạt và không cho bị cáo Phan Thị Ngọc D hưởng án treo; đồng thời bị cáo Phan Thị Ngọc D rút toàn bộ kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt; xét thấy không liên quan đến kháng cáo và kháng nghị khác. Vì vậy, căn cứ theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 342 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm đình chỉ xét xử phân trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Phan Thị Ngọc D.

[2]. Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn Q xin được hưởng án treo thì thấy: Bị cáo Q là kế toán trưởng Công ty xuất nhập khẩu ngành in; trách nhiệm của bị cáo là phải kiểm tra, giám sát toàn bộ hoạt động kinh doanh, hoạt động kế toán tài chính của Chi nhánh Công ty xuất nhập khẩu ngành in. Tuy nhiên, do thiếu tinh thần trách nhiệm, bị cáo đã không giám sát chặt chẽ hoạt động kinh doanh và thu chi của Chi nhánh, chỉ nghe báo cáo mà không kiểm tra thực tế hồ sơ, chứng từ, hợp đồng (BL: 4804, 4794, 4799, 4803), không đối chiếu sổ sách công nợ và các khoản thu chi mà bàng quan, bỏ mặc. Đồng thời, không báo cáo cho Giám đốc biết về hoạt động của Chi nhánh Công ty. Chính thái độ thiếu trách nhiệm, thiếu kiểm tra, giám sát, báo cáo kịp thời trong khi thực hiện nhiệm vụ được giao của Bị cáo Q đã dẫn đến hậu quả Nguyễn Khắc Sơn - Giám đốc Chi nhánh chiếm đoạt trót lọt số tiền 68.444.901.146 đồng của đơn vị, gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng, làm thất thoát tài sản của nhà nước. Với tính chất mức độ và hậu quả do hành vi của bị cáo gây ra, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 3 năm tù về tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng” quy định tại khoản 2 Điều 285 Bộ luật hình sự 1999, sửa đổi bổ sung 2009 là đã khoan hồng đối với bị cáo vì bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s, t khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015. Tại phiên tòa phúc thẩm, Bị cáo Q cung cấp thêm tài liệu thể hiện bị bệnh, hoàn cảnh gia đình khó khăn nhưng đây không phải là căn cứ để cho bị cáo hưởng án treo.

[3]. Xét kháng nghị phúc thẩm số 60/QĐ-VKS-P3 ngày 22/11/2019 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phân trách nhiệm dân sự buộc các bị cáo trong vụ án phải liên đới bồi thường thiệt hại cho nhà nước, cụ thể: Phan Thị Ngọc D bồi thường 35% thiệt hại là 23.955.715.401 đồng; Phương Đình C bồi thường 25% thiệt hại là 17.111.225.287 đồng; Nguyễn Văn Q bồi thường 20% thiệt hại là 13.688.980.229 đồng; Nguyễn Thị Thu V bồi thường 20% thiệt hại là 13.688.980.229 đồng thì thấy:

Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Phan Thị Ngọc D về tội “Cố ý làm trái quy định của nhà nước về trật tự quản lý kinh tế, gây hậu quả nghiêm trọng”, các bị cáo Phương Đình C, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Thị Thu V về tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”. Như vậy, tội danh các bị cáo bị xét xử có cấu thành vật chất, hậu quả nghiêm trọng là dấu hiệu bắt buộc của cấu thành tội phạm; mà hậu quả trong vụ án là thiệt hại tài sản của nhà nước số tiền cụ thể là 68.444.901.146 đồng. Mặc dù, các bị cáo không trực tiếp chiếm đoạt tiền trên nhưng các bị cáo đều thừa nhận có phần lỗi do chính hành vi của các bị cáo để cho Nguyễn Khắc Sơn chiếm đoạt trót lọt tiền của nhà nước dẫn tới thiệt hại. Do đó, đối chiếu với quy định tại Điều 584 Bộ luật dân sự năm 2015 thì “*Căn cứ phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Người nào gây thiệt hại phải bồi thường*”; hành vi của các bị cáo để xảy ra thiệt hại nên buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường tài sản cho nhà nước như kháng nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ. Nguyễn Khắc Sơn đã bỏ trốn, hiện đang bị truy nã và chưa bắt được, khi nào bắt được Nguyễn Khắc Sơn sẽ thu hồi tài sản trả cho các bị cáo hoặc dành quyền khởi kiện cho các bị cáo đối với Nguyễn Khắc Sơn bằng vụ án khác.

Đồng thời, xét về mức độ lỗi của từng bị cáo, kháng nghị của Viện kiểm sát đề nghị buộc Phan Thị Ngọc D bồi thường 35% thiệt hại là 23.955.715.401 đồng; Phương Đình C bồi thường 25% thiệt hại là 17.111.225.287 đồng; Nguyễn Văn Q bồi thường 20% thiệt hại là 13.688.980.229 đồng; Nguyễn Thị Thu V bồi thường 20% thiệt hại là 13.688.980.229 đồng là phù hợp và tương xứng mức độ lỗi của từng bị cáo. Do đó, cần tiếp tục kê biên nhà đất của các bị cáo để đảm bảo thi hành án. Riêng căn nhà số 7B1, tập thể Đ, phường O, quận Đ, Thành phố Hà Nội là tài sản bà Lê Thị C thuê của Trường Đại học văn hóa Hà Nội nên cần hủy bỏ Lệnh kê Biên số 03/C15B-P11 ngày 02/8/2005 và biên bản kê biên tài sản ngày 13/9/2005 của Cơ quan Cảnh sát điều tra – Bộ công an.

[4]. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, bác toàn bộ đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn Q; chấp nhận một phần Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 60/QĐ-VKS-P3 ngày 22/11/2019 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; bị cáo Nguyễn Văn Q phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a, b, đ khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự.

I. Đình chỉ xét xử phúc thẩm một phần Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 60/QĐ-VKS-P3 ngày 22/11/2019 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị tăng hình phạt và không cho bị cáo Phan Thị Ngọc D hưởng án treo; đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo Phan Thị Ngọc D.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn Q xin hưởng án treo; chấp nhận một phần Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 60/QĐ-VKS-P3 ngày 22/11/2019 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phân trách nhiệm dân sự; sửa Bản án hình sự số 439/2019/HS-ST ngày 13/11/2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

1. Căn cứ khoản 3 Điều 165 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm s, t khoản 1 khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Phan Thị Ngọc D 03 (Ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo về tội: “Cố ý làm trái quy định của nhà nước về trật tự quản lý kinh tế, gây hậu quả nghiêm trọng”. Thời gian thử thách là 05 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Phan Thị Ngọc D cho Ủy ban nhân dân phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát và giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo Phan Thị Ngọc D cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Căn cứ khoản 2 Điều 285 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm s, t khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn Q 03 (Ba) năm tù về tội: “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt chấp hành án.

3. Về biện pháp tư pháp: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự; Điều 584 Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc Phan Thị Ngọc D bồi thường 35% thiệt hại là 23.955.715.401 đồng; Phương Đình C bồi thường 25% thiệt hại là 17.111.225.287 đồng; Nguyễn Văn Q bồi thường 20% thiệt hại là 13.688.980.229 đồng; Nguyễn Thị Thu V bồi thường 20% thiệt hại là 13.688.980.229 đồng cho Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu N.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thi hành với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

4. Căn cứ vào Điều 128 Bộ luật Tố Tụng Hình sự 2015, tiếp tục lệnh kê biên đối với các tài sản sau để đảm bảo thi hành án gồm:

- Căn nhà số D5, Cư xá Tây Thạnh, Phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (Theo Lệnh Kê Biên số 02/C15B-P11 ngày 02/8/2005 và Biên bản kê biên ngày 30/8/2005 của Cơ quan Cảnh sát điều tra – Bộ công an).

- Căn nhà 03/61/33 đường L, Phường V, Thành phố Hà Nội của bị cáo Nguyễn Văn Q (Theo Lệnh Kê Biên số 04/C15B-P11 ngày 02/8/2005 và Biên bản kê biên tài sản ngày 13/9/2005 của Cơ quan Cảnh sát điều tra – Bộ công an).

- Căn nhà số 11/5B ấp H, xã B, huyện H, thành phố Hồ Chí Minh của bị cáo Nguyễn Thị Thu V (Theo Lệnh Kê Biên số 05/C15B-P11 ngày 02/8/2005 và biên bản kê biên tài sản ngày 30/8/2005 của Cơ quan Cảnh sát điều tra – Bộ công an).

5. Căn cứ vào Điều 130 Bộ luật Tố Tụng Hình sự 2015, hủy bỏ Lệnh kê biên số 03/C15B-P11 ngày 02/8/2005 và Biên bản kê biên tài sản ngày 13/9/2005 của Cơ quan Cảnh sát điều tra – Bộ công an đối với tài sản: Căn nhà số 7B1, tập thể Đ, phường O, quận Đ, Thành phố Hà Nội do bà Lê Thị C thuê của Trường Đại học Văn hóa Hà Nội.

Dành quyền khởi kiện của bị cáo Phan Thị Ngọc D, Phương Đình C, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Thị Thu V đối với Nguyễn Khắc Sơn bằng vụ án khác.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo Phan Thị Ngọc D nộp 131.955.715 đồng; Bị cáo Phương Đình C nộp 125.111.225 đồng; Bị cáo Nguyễn Văn Q nộp 121.688.980 đồng; Bị cáo Nguyễn Thị Thu V nộp 121.688.980 đồng.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành.

II. Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Văn Q nộp 200.000 đồng.

III. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (1)
- VKSND cấp cao tại TP.HCM (1)
- TAND TP Hồ Chí Minh (5);
- VKSND TP Hồ Chí Minh (1);
- Cục THADS TP Hồ Chí Minh(1);
- CA TP Hồ Chí Minh (1);
- Sở tư pháp TP Hồ Chí Minh (1);
- Bị cáo (4);
- UBND phường Tây Thạnh (1);
- Lưu VT (6) HS(1) 23b-PTHH.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Văn Ý